

Bản án số: 71/2019/HS-ST

Ngày: 11-09-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Học

2. Ông Lê Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Long – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 09 năm 2019, tại Toà án nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 08 năm 2019 theo; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 08 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Ngọc P - Sinh ngày 14 tháng 07 năm 1985 tại: xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; Con ông: Lê Ngọc H (Đã chết) và con bà: Nguyễn Thị L (Đã chết); Có vợ: Lê Thị T – Sinh năm: 1982; Có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** CTCP XD B

Có trụ sở tại: Xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Do ông: Vũ Văn T – Sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Hiện trú tại: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Là đại diện theo ủy quyền (*Theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 05 năm 2019*)

*** Người có quyền lợi liên quan:** Anh Trần Ngọc C – Sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

*** Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Ngọc P là người thu mua sắt vụn. Khi đi mua sắt vụn trong công trường nhà máy N, P phát hiện thấy nhiều sắt thép và cốt pha của các nhà thầu đang thi công để ngoài khu vực công trường mà không có người trông coi nên P nảy sinh ý định trộm cắp số tài sản trên.

Khoảng 00h30 phút ngày 09/3/2019, P sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Motostar màu xanh, BKS: B có buộc sẵn xe kít nan ở phần đuôi xe mô tô rồi đi đến phía sau của công trường nhà máy N, khi đến bãi đất trống đối diện với công trường nhà máy qua con sông thuộc thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, P để xe ở bãi đất trống rồi lội qua con sông đi đến bên bờ rào của công trường nhà máy N. Đến bờ rào, P tìm khe hở rồi chui qua bờ rào vào bên trong công trường nhà máy. P đi lại bãi vật liệu khu vực thi công tua bin của CTCP XD B, cách hàng rào khoảng 40-50m rồi lấy trộm tài sản là các thanh sắt, thép và giàn giáo xây dựng vác đem ra bãi đất trống cạnh nơi để xe mô tô tập kết. Lúc này, P lấy trộm được số tài sản gồm: 04 (bốn) cây sắt vằn loại đường kính 3,2cm, mỗi cây dài 4,7m; 17 (mười bảy) mâm giàn giáo làm bằng sắt có kích thước (4x20x300)cm; 11 (mười một) ống tuýp sắt mạ kẽm loại đường kính 4,8cm, mỗi ống dài 6m; 14 (mười bốn) ống tuýp sắt mạ kẽm loại đường kính 4,8cm, mỗi ống dài 3m. Khi P vừa xếp gọn số tài sản trộm cắp được lên xe kít nan để chở về thì bị anh Nguyễn Văn T (bảo vệ của CTCP XD B) phát hiện nên P bỏ lại toàn bộ số tài sản trộm cắp được cùng chiếc xe mô tô và xe kít nan lại bãi đất trống rồi bỏ chạy về nhà.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 43/KLĐGTS ngày 06/05/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tĩnh Gia kết luận tổng giá trị tài sản mà Lê Ngọc P trộm cắp là: 17.230.000đ (Mười bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

*** Về dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:** Quá trình điều tra, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, cơ quan CSĐT đã trả lại:

- 04 (bốn) cây sắt vằn loại đường kính 3,2cm, mỗi cây dài 4,7m; 17 (mười bảy) mâm giàn giáo làm bằng sắt có kích thước (4x20x300)cm; 11 (mười một) ống tuýp sắt mạ kẽm loại đường kính 4,8cm, mỗi ống dài 6m; 14 (mười bốn) ống tuýp sắt mạ kẽm loại đường kính 4,8cm, mỗi ống dài 3m cho chủ sở hữu hợp pháp là công ty Xây dựng Bạch Đằng 234;

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Motostar màu xanh, BKS: B đã qua sử dụng và 01 (một) xe kít nan tự chế được hàn bằng sắt đã qua sử dụng cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Ngọc C.

Đối với Trần Ngọc C là người cho P mượn xe mô tô nhãn hiệu Motostar màu xanh, BKS: B và xe kít nan ngày 09/3/2019. Khi cho mượn, anh C không biết P mượn xe để sử dụng vào mục đích phạm tội, do đó hành vi của C không cấu thành tội phạm.

Bản cáo trạng số 86/CTr-VKS-HS ngày 16/08//2019 của VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo P về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

** Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:*

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Ngọc P;

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với bị cáo Lê Ngọc P từ 15 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết xong nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Công an huyện Tĩnh Gia, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, bị cáo Lê Ngọc P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với tang vật vụ án, lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Vì vậy có đủ căn cứ để khẳng định VKSND huyện Tĩnh Gia truy tố bị cáo Lê Ngọc P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng.

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo là người có đủ năng lực về mọi mặt để nhận thức được "Trộm cắp tài sản" là hành vi vi phạm pháp luật và là tội phạm. Song, do nhìn thấy nhiều sắt thép và cốt pha của các nhà thầu đang thi công để ngoài khu vực công trường mà không có người trông coi nên P nảy sinh ý định trộm cắp. Tài sản mà bị cáo trộm cắp được định giá là 17.230.000đ (Mười bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng). Nên bị cáo bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử buộc phải chịu

một hình phạt là cần thiết nên cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng:

- Tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, hơn nữa bị cáo lại có lai lịch rõ ràng, có nơi cư trú ổn định; Với nhân thân của bị cáo như trên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe và giáo dục đối với bị cáo và cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện mình trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Về dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho CTCP XD B toàn bộ số tài sản mà bị cáo trộm cắp gồm: 04 (bốn) cây sắt vằn loại đường kính 3,2cm, mỗi cây dài 4,7m; 17 (mười bảy) mâm giàn giáo làm bằng sắt có kích thước (4x20x300)cm; 11 (mười một) ống tuýp sắt mạ kẽm loại đường kính 4,8cm, mỗi ống dài 6m; 14 (mười bốn) ống tuýp sắt mạ kẽm loại đường kính 4,8cm, mỗi ống dài 3m; Trả lại cho anh Trần Ngọc C 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Motostar màu xanh, BKS: B đã qua sử dụng và 01 (một) xe kit nan tự chế được hàn bằng sắt đã qua sử dụng. Cả CTCP XD B và anh C đã nhận lại tài sản đầy đủ, không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét;

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định ổn định. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Ngọc P;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Lê Ngọc P 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Ngọc P cho UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án

treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136; 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Buộc bị cáo P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm;

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi liên quan tại phiên tòa. Tuyên bố những người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- UBND xã H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Hạnh